TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:132 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2023
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng – Ông Trần Danh Phú
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Kim Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:466/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:227/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18/12/2023, giữa các đương sự.

-**Nguyên đơn**: Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 16/4/1988.
Nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)
-**Bị đơn:** Anh Cung Đình K, sinh ngày 15/6/1983.
Nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại: P,Trại giam Z (Trại giam T2),thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.(Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, trình bày của nguyên tại phiên tòa, trình bày của bị đơn anh Cung Đình K tại biên bản lấy lời khai do TAND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thực hiện theo nội dung ủy thác của TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Cung Đình K tổ chức cưới vào tháng 02/2011.Trước khi cưới anh chị có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Chị H, anh K làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số:11/2011,ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, trong cuộc sống chung vợ chồng có nhiều tranh chấp xung đột cự cải, xử sự thiếu tôn trọng nhau.Do mâu thuẫn xảy ra thường xuyên nên vợ chồng đã được gia đình hai bên,ban xóm hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện.Đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng sâu sắc, xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân đã đổ vỡ nên chị H và anh K đã sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ vợ từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay vợ chồng không liên lạc hòa giải níu kéo hôn nhân. Quá trình chị H viết bản tự khai, tòa án lấy lời khai của anh K thì cả hai xác định đã mất hết tình cảm, hôn nhân đã đỗ vỡ, nên chị H, anh K đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị H, anh Cung Đình K thống nhất vợ chồng có với nhau 02 con chung gồm: Cháu Cung Hoàng Bảo T (Giới tính: nữ), sinh ngày 30/9/2011 và cháu Cung Hoàng Bảo N (Giới tính: nữ), sinh ngày 14/2/2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân và kể từ ngày anh K đi chấp hành hình phạt tù cho đến nay, hai con chung do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng,con chung được chị H nuôi dạy tốt, phát triển tích cực về mọi mặt. Nếu ly hôn chị H, anh K thống nhất giao chung cho chị H trực tiếp sóc nuôi dưỡng, vì lý do anh K đang chấp hành hình phạt tù không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị H, anh Cung Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau**:**

+Về tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 khoản 2 Điều 203 BLTTDS năm 2015: Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy đinh tại Điều 68 BLTTDS năm 2015. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại chương VII BLTTDS; Toàn bộ chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp đều là bản chính hoặc bản có chứng thực, y sao của cơ quan có thẩm quyền theo Điều 95 BLTTDS.Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS; Đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phên tòa cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 171 BLTTD; Đã chuyển hồ sơ hồ sơ cho VKS nghiên cứu theo quy định tại Điều 196, 220 BLTTDS.Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 227, 254, 258, 262 và Điều 264 BLTTDS năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015 về việc phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra, báo cáo với HĐXX danh sách những người

được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 227 BLTTDS

+Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị xử**:** Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Cung Đình K. Giao hai con chung cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K cho đến lúc có yêu cầu; T1 quyền và nghĩa vụ của anh K đối với con chung và quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cho các bên đương sự. Về tài sản chung: Chị H, anh K không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị miễn xét.Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.Tuyên quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn xác định bị đơn anh Cung Đình K không thể có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, vì lý do đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T2. Do đó nguyên đơn đã làm đơn đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo trình tự qui định. Yêu cầu của chị Hoàng Thị H là đúng, có căn cứ, nên Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã áp dụng khoản 4 Điều 207 của BLTTDS không tiến hành hoà giải.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn anh Cung Đình K vắng mặt có lý do chính đáng không thể có mặt tại Tòa án để làm việc vì đang chấp hành hình phạt tù. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Cung Đình K.

[2] Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H, anh Cung Đình K đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị H, anh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2011, ngày 08/02/2011 nên xác định hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Cung Đình K là hôn

nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa anh chị H, anh K tan rã, đổ vỡ là do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân. Do đó trong cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xẩy ra tranh chấp cự cãi, xung đột. Chị H, anh K đều xác định đã mất hết tình cảm, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn các bên không còn. Nên chị H, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho họ được được ly hôn là có cơ sở đúng pháp luật, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Cung Đình K.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân và kể từ ngày anh K đi chấp hành hình phạt tù cho đến nay, hai con chung đang được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh K về tiền bạc, tinh thần, nhưng chị H đã nuôi dạy con tốt, phát triển tích cực về mọi mặt. Do đó chị H , anh K thống nhất giao hai con chung cho chị H nuôi là đúng, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị H và anh K.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Cung Đình K.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh K không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Cung Đình K.

2.Về quan hệ con chung: Giao hai con chung, cháu Cung Hoàng B (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/9/2011 và cháu Cung Hoàng Bảo N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 14/2/2014 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung trưởng thành (18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Cung Đình K cho đến lúc chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu.

Anh Cung Đình K người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc**:** Chị Hoàng Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ

thẩm.Án phí chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: AA/2022/0001168 ngày 05/10/2023,chị Hoàng Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An, nơi cư trú và nơi bị đơn đang chấp hành hình phạt tù (Trại giam T2) thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- Trại giam Thủ Đức (nơi anh K chấp hành án)
- UBND xã Đ(Nơi ĐKKH).